

PHÁP LUẬT VỀ THANH TOÁN TRONG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

PHÍ MẠNH CƯỜNG*

Thực tiễn phát triển thương mại điện tử trên thế giới cũng như ở Việt Nam đã chứng minh hoạt động thanh toán trong thương mại điện tử được coi là một trong các yếu tố then chốt cho sự phát triển của thương mại điện tử. Do đó, để có thể thúc đẩy hơn nữa sự phát triển của thương mại điện tử ở Việt Nam bắt kịp với sự phát triển thương mại điện tử các nước trên thế giới thì cần thiết phải hoàn thiện các quy định của pháp luật về thanh toán trong thương mại điện tử.

Từ khóa: Pháp luật; thanh toán; thương mại điện tử; thanh toán điện tử.

The practice of e-commerce development in the world as well as in Vietnam has proven that payment activities in e-commerce is considered to be one of the key factors for the development of e-commerce. Therefore, in order to promote further the development of e-commerce in Vietnam to keep pace this trend in countries around the world, it is necessary to complete the provisions of the law on payment in e-commerce.

Keywords: Law; payment; e-commerce; electronic payment.

NGÀY NHẬN: 06/5/2023 NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 16/6/2023 NGÀY DUYỆT: 17/7/2023

1. Thực trạng pháp luật Việt Nam về thanh toán điện tử

Có thể hiểu, thanh toán là hoạt động thanh toán dựa trên nền tảng công nghệ thông tin, trong đó sử dụng các thiết bị điện tử có kết nối mạng internet hoặc các mạng mở khác để truyền các thông điệp dữ liệu giúp cho quá trình thanh toán nhanh chóng, an toàn và hiệu quả.

Tương tự trong thương mại truyền thống, thanh toán trong thương mại điện tử (TMĐT) là một nội dung quan trọng, nhận được sự quan tâm của cả người mua và người bán. Các hình thức thanh toán phổ biến trong TMĐT hiện nay ở Việt Nam là sử dụng tiền mặt, thẻ ATM nội địa, thẻ tín

dụng/thẻ ghi nợ, thẻ cào (thẻ game, thẻ điện thoại...), ví điện tử... Trong các hình thức thanh toán kể trên thì thanh toán tiền mặt khi nhận hàng hay còn được gọi là COD (Cash On Delivery) là hình thức thanh toán phổ biến nhất (chiếm đến 73% số người được khảo sát ưu tiên sử dụng)¹. Do đó, để TMĐT ở Việt Nam có thể bắt kịp với sự phát triển của TMĐT các nước trên thế giới, đặc biệt trong bối cảnh thế giới đã bước vào cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và xu hướng chuyển đổi số ở Việt Nam thì cần hoàn thiện các quy định của pháp luật về thanh toán điện tử (TTĐT).

* TS, Trường Đại học Mở - Địa chất

a. Các hình thức thanh toán trực tuyến

Hiện nay, các hình thức thanh toán trực tuyến đều sử dụng tài khoản của ngân hàng hoặc tài khoản của một tổ chức trung gian để tiến hành các hoạt động thanh toán. Trong đó, phổ biến nhất vẫn là việc sử dụng tài khoản trong các ngân hàng để tiến hành thanh toán trực tuyến cho các giao dịch TMĐT. Hình thức thanh toán trực tuyến là hình thức thanh toán sử dụng dịch vụ ngân hàng thông qua internet (internet banking).

Dịch vụ ngân hàng trên internet là các dịch vụ ngân hàng và dịch vụ trung gian thanh toán được các đơn vị cung cấp thông qua mạng internet (khoản 1 Điều 2 Thông tư số 35/2016/TT-NHNN ngày 29/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về an toàn, bảo mật cho việc cung cấp dịch vụ ngân hàng trên internet). Theo đó, hệ thống internet banking là một tập hợp có cấu trúc các trang thiết bị phần cứng, phần mềm, cơ sở dữ liệu, hệ thống mạng truyền thông và an ninh bảo mật để tạo ra, truyền nhận, thu thập, xử lý, lưu trữ và trao đổi thông tin số phục vụ cho việc quản lý và cung cấp dịch vụ Internet banking (khoản 2 Điều 2 Thông tư số 35/2016/TT-NHNN).

Như vậy, bản chất của hoạt động thanh toán trực tuyến chính là hoạt động chuyển khoản. Trong đó, chuyển khoản được hiểu là một loạt các hoạt động, bắt đầu với lệnh thanh toán của người lập lệnh với mục đích thanh toán tiền cho người thụ hưởng trong một đơn hàng. Lệnh thanh toán được hiểu là một hướng dẫn vô điều kiện, dưới bất kỳ hình thức nào được người lập lệnh gửi đến ngân hàng hoặc tổ chức thanh toán trung gian để thanh toán cho người thụ hưởng một khoản tiền hoặc ghi nợ tài khoản của người lập lệnh².

Khái niệm về chuyển khoản do UNCITRAL đưa ra cũng được ghi nhận trong pháp luật của các quốc gia, tổ chức quốc tế, như: *Luật*

Hệ thống thanh toán của Ma-lai-xi-a, công cụ thanh toán có thể là bất kỳ công cụ nào, dù hữu hình hay vô hình, cho phép một người nhận được tiền (khi bán hàng hóa hoặc cung ứng dịch vụ) hoặc các hoạt động thanh toán khác³; theo *Luật Các tổ chức tài chính* của My-an-a, hệ thống thanh toán là bất kỳ hệ thống hoặc sự sắp xếp nào cho việc chuyển khoản, thanh toán bù trừ, thanh toán tiền cho hoạt động bán hàng hoặc cung ứng dịch vụ⁴; *Luật Hệ thống thanh toán quốc gia* của Phi-líp-pin, lệnh thanh toán là thông báo hoặc yêu cầu chuyển tiền đến người bán hàng hoặc cung ứng dịch vụ⁵; *Luật Hệ thống thanh toán* năm 2006 (sửa đổi, bổ sung năm 2013) của Xinh-ga-po, hệ thống thanh toán là hệ thống chuyển tiền hoặc hệ thống khác tạo điều kiện thuận lợi cho việc lưu thông tiền tệ, bao gồm bất kỳ công cụ và thủ tục nào liên quan đến hệ thống⁶.

Theo Liên minh châu Âu (EU), giao dịch thanh toán là hoạt động chuyển tiền, rút tiền giữa người thực hiện thanh toán và người thụ hưởng (có thể thực hiện thông qua mạng internet)⁷. Theo US CODE của Hoa Kỳ, chủ tài khoản giao dịch có thể rút tiền bằng lệnh rút tiền hoặc chuyển khoản qua điện thoại hoặc các phương tiện tương tự nhằm mục đích thanh toán hoặc chuyển giao cho người thụ hưởng...⁸.

Hoạt động chuyển khoản được ra đời khá lâu và ban đầu được tiến hành giữa các doanh nghiệp với nhau. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển của khoa học - công nghệ, hoạt động chuyển khoản ngày càng phổ biến đối với các cá nhân do tính tiện dụng của nó. Trong TMĐT hiện nay, các hình thức thanh toán trực tuyến bao gồm thanh toán qua thẻ ngân hàng và thanh toán qua ví điện tử.

(1) *Thanh toán qua thẻ ngân hàng* là việc sử dụng thẻ ngân hàng để thanh toán cho các giao dịch TMĐT. Trong đó, thẻ ngân hàng là phương tiện thanh toán do tổ chức

phát hành thẻ phát hành để thực hiện giao dịch thẻ theo các điều kiện và điều khoản được các bên thỏa thuận (khoản 1 Điều 3 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động thẻ ngân hàng). Theo quy định này có nhiều loại thẻ ngân hàng khác nhau nhưng thẻ ghi nợ, thẻ tín dụng và thẻ trả trước là các loại thẻ được sử dụng phổ biến trong các giao dịch TMĐT ở Việt Nam: thẻ ghi nợ (debit card) là thẻ cho phép chủ thẻ thực hiện giao dịch thẻ trong phạm vi số tiền và hạn mức thấu chi (nếu có) trên tài khoản thanh toán của chủ thẻ mở tại tổ chức phát hành thẻ (khoản 2 Điều 3 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN); thẻ tín dụng (credit card) là thẻ cho phép chủ thẻ thực hiện giao dịch thẻ trong phạm vi hạn mức tín dụng đã được cấp theo thỏa thuận với tổ chức phát hành thẻ (khoản 3 Điều 3 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN) thẻ trả trước (prepaid card) là thẻ cho phép chủ thẻ thực hiện giao dịch thẻ trong phạm vi giá trị tiền được nạp vào thẻ tương ứng với số tiền đã trả trước cho tổ chức phát hành thẻ (khoản 4 Điều 3 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN).

Trong các loại thẻ trên, chỉ có thẻ ghi nợ và thẻ tín dụng mới có thể sử dụng trực tiếp trên các website TMĐT để thanh toán cho các giao dịch còn thẻ trả trước chỉ có thể thực hiện thanh toán cho các giao dịch TMĐT thông qua cổng thanh toán. Căn cứ vào quy định của khoản 3 Điều 3 Thông tư số 39/2014/TT-NHNN ngày 11/12/2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về dịch vụ cổng TTĐT thì có thể hiểu cổng TTĐT là hệ thống kết nối giữa các đơn vị chấp nhận thanh toán và ngân hàng nhằm hỗ trợ khách hàng thực hiện thanh toán trong giao dịch TMĐT, thanh toán hóa đơn điện tử và các dịch vụ TTĐT khác.

(2) *Thanh toán qua ví điện tử* là việc sử dụng ví điện tử để thanh toán cho các giao dịch TMĐT. Trong đó, dịch vụ ví điện tử là

dịch vụ cung cấp cho khách hàng một tài khoản điện tử định danh do các tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán tạo lập trên vật mang tin (như: chip điện tử, sim điện thoại di động, máy tính...), cho phép lưu giữ một giá trị tiền tệ được bảo đảm bằng giá trị tiền gửi tương đương với số tiền được chuyển từ tài khoản thanh toán của khách hàng tại ngân hàng vào tài khoản bảo đảm thanh toán của tổ chức cung ứng dịch vụ ví điện tử theo tỷ lệ 1:1 (khoản 8 Điều 4 Nghị định số 80/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2012/NĐ-CP ngày 22/11/2012 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt). Do đó, việc quy định về ví điện tử đã tạo điều kiện thuận lợi cho các giao dịch TMĐT nhưng cũng bảo đảm sự chặt chẽ khi quy định tỷ lệ 1:1 giữa số tiền chuyển vào ví điện tử với số tiền trong tài khoản thanh toán của khách hàng.

b. Điều kiện cung cấp và sử dụng dịch vụ thanh toán trực tuyến

Cung cấp và sử dụng dịch vụ thanh toán trực tuyến là một hoạt động giao dịch điện tử trong ngân hàng nên trước hết phải tuân thủ đầy đủ các quy định về giao dịch điện tử trong hoạt động ngân hàng. Các tổ chức, cá nhân có tham gia vào các giao dịch này cần tuân thủ đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Quy định của pháp luật được áp dụng đối với từng nhóm chủ thể khác nhau, đối với các chủ thể cung cấp dịch vụ cần đáp ứng các điều kiện, như: được cung cấp dịch vụ ngân hàng theo quy định của pháp luật; có địa điểm, mạng truyền thông, thiết bị truyền thông, các phương tiện điện tử bảo đảm tính toàn vẹn và an toàn thông tin, đáp ứng yêu cầu khai thác, kiểm soát, xử lý, sử dụng, bảo quản và lưu trữ chứng từ điện tử; có đội ngũ cán bộ đủ trình độ, khả năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật công nghệ,

ng nghiệp vụ ngân hàng. Còn đối với chủ thể sử dụng dịch vụ cần đáp ứng các điều kiện: thực hiện các quy trình về giao dịch điện tử do tổ chức cung cấp dịch vụ giao dịch điện tử quy định; có chữ ký điện tử theo quy định của pháp luật; xác lập phương thức gửi, nhận chứng từ điện tử với tổ chức cung cấp dịch vụ giao dịch điện tử (Điều 5 Nghị định số 35/2007/NĐ-CP ngày 08/3/2007 của Chính phủ về giao dịch điện tử trong hoạt động ngân hàng). Các điều kiện này đã được cụ thể hóa, như: hạ tầng kỹ thuật của hệ thống internet banking; xác thực giao dịch internet banking; quản lý vận hành hệ thống internet banking và bảo vệ quyền lợi của khách hàng.

Khi quy định về yêu cầu của hệ thống mạng, an ninh bảo mật thì pháp luật Việt Nam chỉ đưa ra mức tối thiểu mà các tổ chức cung cấp dịch vụ internet banking phải áp dụng, điều này hoàn toàn phù hợp với thực tiễn phát triển nhanh chóng trong lĩnh vực công nghệ thông tin. Bên cạnh yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật thì hoạt động giao dịch cũng có thể đem lại rủi ro cho hoạt động thanh toán trong TMĐT. Chính vì vậy, pháp luật ở nước ta đã có quy định cụ thể về vấn đề xác thực giao dịch internet banking, như: yêu cầu xác thực của khách hàng; yêu cầu bảo đảm an toàn đối với các giải pháp xác thực giao dịch.

Ngoài hai vấn đề cơ bản ở trên thì để bảo đảm an toàn hơn nữa cho các hoạt động thanh toán trực tuyến thì pháp luật Việt Nam còn quy định về quản lý vận hành hệ thống internet banking, như: vấn đề bố trí nhân sự quản trị, vận hành hệ thống; giám sát chặt chẽ môi trường vận hành hệ thống và hoạt động của hệ thống; biện pháp quản lý lỗ hổng, điểm yếu kỹ thuật...

Ngoài các quy định chung áp dụng đối với các hình thức thanh toán trực tuyến thì việc cung ứng dịch vụ ví điện tử, trong đó tổ

chức cung ứng dịch vụ phải tuân thủ thêm các quy định, như: không được phép phát hành hơn một ví điện tử cho một tài khoản thanh toán của khách hàng tại một ngân hàng; không được cấp tín dụng cho khách hàng sử dụng ví điện tử, không được trả lãi trên số dư ví điện tử hoặc bất kỳ hành động nào có thể làm tăng giá trị tiền tệ trên ví điện tử. Bên cạnh đó, tổ chức cung ứng dịch vụ ví điện tử phải có công cụ để Ngân hàng Nhà nước kiểm tra, giám sát theo thời gian thực tổng số tiền của khách hàng trên các ví điện tử và tổng số tiền trên tài khoản bảo đảm thanh toán của tổ chức cung ứng dịch vụ ví điện tử tại các ngân hàng.

Ngoài ra, việc nạp tiền, rút tiền ra khỏi ví điện tử của khách hàng phải thực hiện thông qua tài khoản thanh toán của khách hàng tại ngân hàng (khoản 3 Điều 1 Thông tư số 23/2019/TT-NHNN ngày 22/11/2019 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2014/TT-NHNN). Do đó, việc pháp luật Việt Nam có quy định cụ thể đối với ví điện tử thể hiện sự bắt kịp của các quy định pháp luật của nước ta với xu thế TTĐT trên toàn cầu hiện nay.

2. Một số hạn chế của pháp luật về thanh toán điện tử

Vấn đề TTĐT là một vấn đề trọng tâm trong các giao dịch TMĐT. Tuy nhiên, các quy định hiện nay của pháp luật Việt Nam về TTĐT có thể tạo ra các hạn chế sau:

Thứ nhất, vấn đề TTĐT là một trong vấn đề được các chủ thể thực hiện giao dịch TMĐT quan tâm hàng đầu nhưng các quy định về TTĐT của Việt Nam lại được quy định tập trung dưới dạng các thông tư. Điều này sẽ khiến cho các chủ thể thực hiện giao dịch TMĐT lo ngại về tính ổn định của các quy định liên quan đến TTĐT.

Sự lo ngại của các chủ thể không phải là không có cơ sở, chẳng hạn, ngày 11/12/2014, Ngân hàng Nhà nước ban hành

Thông tư số 39/2014/TT-NHNN về dịch vụ trung gian thanh toán thì Thông tư này được sửa đổi trong năm 2016 và 2019 (trong đó năm 2016, được sửa đổi, bổ sung hai lần); một ví dụ nữa, ngày 30/6/2016, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư số 19/2016/TT-NHNN về hoạt động thẻ ngân hàng thì từ năm 2017 - 2021, đồng thời, ban hành các thông tư để sửa đổi, bổ sung Thông tư số 19/2016/TT-NHNN.

Thứ hai, theo quy định của pháp luật Việt Nam thì TTĐT được thực hiện qua các trung gian thanh toán. Tuy nhiên, lại chưa có quy định cụ thể về nghĩa vụ của các trung gian thanh toán phải kịp thời đưa ra các thông tin, hướng dẫn, cảnh báo cho khách hàng, do đó, trong các văn bản pháp luật của Việt Nam về TTĐT cần bổ sung các quy định ràng buộc trách nhiệm của các trung gian thanh toán trong việc cung cấp thông tin cho khách hàng (cung cấp định kỳ hoặc đột xuất) cũng như thời hạn cung cấp thông tin sao cho phù hợp với sự phát triển nhanh chóng của khoa học - công nghệ nhằm bảo vệ một cách hữu hiệu quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của khách hàng □

3. Hoàn thiện pháp luật về thanh toán điện tử

Một là, cần luật hóa về thanh toán trong TMĐT.

Vấn đề TTĐT là một trong vấn đề được các chủ thể thực hiện giao dịch TMĐT quan tâm hàng đầu nhưng các quy định về TTĐT của Việt Nam lại được quy định tập trung dưới dạng các thông tư. Điều này sẽ khiến cho các chủ thể thực hiện giao dịch TMĐT lo ngại về tính ổn định của các quy định về TTĐT. Chính vì vậy, các quy định về TTĐT cần được quy định ở cấp độ nghị định hoặc luật để hạn chế các rủi ro về mặt pháp lý khi có sự thay đổi đột ngột của các thông tư.

Tuy nhiên, hoạt động TTĐT phụ thuộc vào sự phát triển của khoa học - công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin nên các vấn đề mang tính nguyên tắc, cơ bản thì cần quy định trong luật, còn những vấn đề liên quan

trực tiếp đến công nghệ thì cần quy định trong nghị định để nhằm tạo ra môi trường pháp lý ổn định nhưng đồng thời cũng phù hợp với sự phát triển nhanh chóng của công nghệ thông tin.

Hai là, về nghĩa vụ của bên trung gian trong quá trình thanh toán.

Vì chưa có các quy định cụ thể về nghĩa vụ của các trung gian thanh toán phải kịp thời đưa ra các thông tin, hướng dẫn, cảnh báo cho khách hàng, do đó, trong các văn bản pháp luật của Việt Nam về TTĐT cần bổ sung các quy định ràng buộc trách nhiệm của các trung gian thanh toán trong việc cung cấp thông tin cho khách hàng (cung cấp định kỳ hoặc đột xuất) cũng như thời hạn cung cấp thông tin sao cho phù hợp với sự phát triển nhanh chóng của khoa học - công nghệ nhằm bảo vệ một cách hữu hiệu quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của khách hàng □

Chú thích:

1. Bộ Công Thương. *Sách trắng thương mại điện tử Việt Nam năm 2022*. Hà Nội, 2022, tr. 40.
2. *Article 2 of the Model Law on International Credit Transfers 1994 of UNCITRAL*. <https://uncitral.un.org>, truy cập ngày 25/3/2022.
3. *Subsection 2, Part I of Payment System Act 2003 of Malaysia*. <http://www.commonlii.org>, truy cập ngày 25/3/2022.
4. *Section 2, Chapter I of the Financial Institutions Law 2016 of Myanmar*. <https://myanmar-law-library.org>, truy cập ngày 25/3/2022.
5. *Section 4 of the National Payment System Act 2016 of Philippines*. <https://www.bsp.gov.ph>, truy cập ngày 25/3/2022.
6. *Section 2, Part I of Payment System Act 2006 (amended and supplemented 2013) of Singapore*. <https://sso.agc.gov.sg>, truy cập ngày 25/3/2022.
7. *Article 4 of the Directive (EU) 2015/2366*. <https://eur-lex.europa.eu>, truy cập ngày 25/3/2022.
8. *Section §461, Subchapter XIV, Title 12, US CODE*. <https://www.law.cornell.edu>, truy cập ngày 25/3/2022.